



BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỔNG CỤC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

XÂY DỰNG
QUY ĐỊNH KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU,
YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC MÀ NGƯỜI HỌC PHẢI
ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP (CĐR)
TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP, TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

ThS. Hà Đức Ngọc
Vụ Đào tạo chính quy,
Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp



❖ CĂN CỨ XÂY DỰNG

❖ QUY TRÌNH XÂY DỰNG

❖ SẢN PHẨM NỘI

❖ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

CĂN CỨ XÂY DỰNG

LUẬT GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Khung trình độ quốc gia Việt Nam
(QĐ số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016
của Thủ tướng Chính phủ)

Quy trình xây dựng CĐR (Thông tư số
12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017
của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH)

QUY TRÌNH XÂY DỰNG



Các
bước
thực
hiện
XD
CĐR

I. Nghiên cứu tài liệu

II. Khảo sát thực tế

III. Phân tích nghề, phân tích công việc

IV. Tổ chức biên soạn

V. Hoàn thiện dự thảo, nộp SP



I. NGHIÊN CỨU TÀI LIỆU

- ❖ **QĐ 1982, TT12/2017, TT56/2015**
- ❖ **Tiêu chuẩn KNN đã ban hành (nếu có)**
- ❖ **CTK, CT đào tạo của nghề (nếu có)**
- ❖ **Các CĐR đã ban hành**
- ❖ **Tài liệu chuyên ngành liên quan**

II. KHẢO SÁT THỰC TẾ

- ❖ **Lựa chọn đối tượng KS**
- ❖ **Xác định quy mô, nội dung KS**
- ❖ **XD Phiếu khảo sát**
- ❖ **Tổ chức khảo sát**
- ❖ **Phân tích kết quả KS**

❖ *Đối tượng KS:*

- **Doanh nghiệp**
- **Cơ sở đào tạo**
- **Chuyên gia (Thợ giỏi, người quản lý trong nghề, GV, HSSV đã ra trường)**

❖ *Quy mô, nội dung KS:*

Tùy theo nhu cầu, nội dung cần thu thập thông tin, có thể lựa chọn khảo sát:

- **Từ 10 - 15 doanh nghiệp**
- **Từ 5 -10 cơ sở đào tạo**
- **Hỏi ý kiến từ 5 – 10 chuyên gia**

❖ *Phiếu khảo sát:*

- Xuất phát từ nhu cầu cần lấy nội dung thông tin gì ở người/đơn vị cần phỏng vấn, các BCN tự thiết kế mẫu phiếu hỏi (có thể tham khảo các mẫu phiếu KS từ Tổng cục Thống kê)
- Nội dung câu hỏi nhằm giải quyết trực tiếp những vấn đề phục vụ cho việc xác định các vị trí việc làm, các công việc của nghề và những vấn đề khác nếu cần

❖ *Tổng hợp, phân tích kết quả KS:*

Kết quả khảo sát được tổng hợp, phân tích, kết hợp với kết quả PHÂN TÍCH NGHỀ để xác định chính xác các VỊ TRÍ VIỆC LÀM của nghề và các CÔNG VIỆC trong từng VỊ TRÍ VIỆC LÀM



III. PHÂN TÍCH NGHỀ, PHÂN TÍCH CV

- ❖ Tổ chức hội thảo **DACUM**
- ❖ Lập **Sơ đồ phân tích nghề**
- ❖ Xây dựng bộ **Phiếu phân tích công việc**
- ❖ Lấy ý kiến góp ý Sơ đồ PTN, Phiếu PTCV
- ❖ Hoàn thiện Sơ đồ PTN, Phiếu PTCV



PHÂN TÍCH NGHỀ THEO PHƯƠNG PHÁP DACUM

Ưu điểm của DACUM:

- Cập nhật được nội dung đào tạo sát với nhu cầu của doanh nghiệp
- Thu hút được doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo

Hạn chế của DACUM:

- Không xác định được các nhiệm vụ và công việc chưa xuất hiện trong thực tiễn



3 bước phân tích nghề theo DACUM:

- **Xác định thành viên tham gia hội thảo**
- **Tổ chức hội thảo**
- **Thẩm tra sơ đồ phân tích nghề**

Phân tích nghề theo DACUM



Bước 1: Xác định thành viên tham gia hội thảo

- Hai thành phần chính của hội thảo DACUM là:
Chuyên gia nội dung và **Chuyên gia phương pháp**
- Chuyên gia nội dung có từ 8-12 người, là những người công nhân/nhân viên thành thạo về nghề
- Chuyên gia phương pháp có 1 người, là người nắm vững phương pháp thực hiện DACUM



Bước 2: Tổ chức hội thảo DACUM

- **Xác định phạm vi hoạt động của nghề (mô tả nghề)**
- **Xác định các VỊ TRÍ VIỆC LÀM của nghề**
- **Xác định các CÔNG VIỆC trong từng VTVL**

Kết quả hội thảo được tổng hợp bằng Sơ đồ PTN

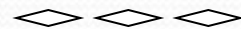


Bước 3: Thẩm tra sơ đồ PTN

- **Gửi sơ đồ PTN xin ý kiến chuyên gia trong nghề**
- **Số lượng và phạm vi cần lấy ý kiến tùy thuộc vào chất lượng và độ chính xác của việc PTN**
- **Hoàn thiện Sơ đồ PTN**

Để xác định chính xác tên các VỊ TRÍ VIỆC LÀM của nghề phải căn cứ:

- Kết quả phân tích nghề
- Kết quả khảo sát doanh nghiệp
- Tham khảo ý kiến chuyên gia làm việc trong nghề
- Tham khảo Tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia đã ban hành (nếu có)



Khái niệm vị trí việc làm:

**Là tập hợp các nhiệm vụ bao gồm nhóm công việc được thực hiện bởi một cá nhân
(TT56/2015/TT-BLĐTBXH)**

QUY TRÌNH XÂY DỰNG

SƠ ĐỒ PHÂN TÍCH NGHỀ

Tên nghề:

Mã nghề:

Mô tả nghề:.....

TÊN VTVL	CÁC CÔNG VIỆC							
A-	A1- ...	A2- ...	A3- ...	A4- ...	A5- ...	A6- ...	A7- ...	A8- ...
B-	B1- ...	B2- ...	B3- ...	B4- ...	B5- ...	B6- ...	B7- ...	B8- ...
C-	C1- ...	C2- ...	C3- ...	C4- ...	C5- ...	C6- ...	C7- ...	...
D-	D1-	D2-...	D3-	D4- ...	D5- ...	...	...	...
n								



Xác định tên vị trí việc làm không phù hợp:

- ~~Giám đốc...~~
- ~~Quản đốc...~~
- ~~Tổ trưởng...~~
- ~~Công nhân...~~
- ~~Thợ, chuyên viên, nhân viên...~~
- ~~Ghi chép sổ sách...~~
- ~~Làm vệ sinh môi trường làm việc~~

QUY TRÌNH XÂY DỰNG



Sai:

- **Công nhân** may
- **Nhân viên** cửa hàng may đo thời trang
- **Chủ cửa hàng** may đo thời trang
- **Nhân viên** thiết kế
- **Nhân viên** may mẫu
- **Nhân viên** quy trình
- **Nhân viên** triển khai
- **Nhân viên** kiểm tra chất lượng sản phẩm
- **Cán bộ** quản lý tổ sản xuất

Đúng:

- May dây chuyền;
- May đo thời trang;
- Thiết kế;
- May mẫu;
- Giám sát quy trình sản xuất;
- Giám sát triển khai sản xuất;
- Kiểm tra chất lượng sản phẩm;
- Quản lý hoạt động may đo thời trang

❖ Phân tích công việc:

- Phân tích công việc do **giáo viên** tại cơ sở GDNN thực hiện
- Các công việc có trong Sơ đồ PTN được phân tích để lập bộ Phiếu PTCV
- Lấy ý kiến chuyên gia về Phiếu PTCV
- Hoàn thiện bộ Phiếu PTCV

PHIẾU PHÂN TÍCH CÔNG VIỆC



Tên công việc:.....

1. Mô tả công việc (*Mô tả phạm vi, vị trí của công việc, các nhiệm vụ chính cần phải thực hiện, điều kiện làm việc, bối cảnh thực hiện công việc*)

.....

.....

.....

2. Kiến thức cần có để thực hiện công việc:

.....

.....

.....

3. Kỹ năng cần có để thực hiện công việc:

.....

.....

.....

4. Mức độ tự chủ và trách nhiệm khi thực hiện công việc:

.....

.....

.....

IV. TỔ CHỨC BIÊN SOẠN

A. BIÊN SOẠN YÊU CẦU CHUNG CỦA NGHỀ

**B. BIÊN SOẠN QUY ĐỊNH KLKTTT, YÊU CẦU
VỀ NĂNG LỰC CHO TỪNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM**

A. BIÊN SOẠN YÊU CẦU CHUNG CỦA NGHỀ

- 1. Giới thiệu chung về nghề (mô tả nghề)**
- 2. Kiến thức**
- 3. Kỹ năng**
- 4. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**
- 5. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp**
- 6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ**

1. Giới thiệu chung về nghề (mô tả nghề):

- Mô tả ngắn gọn, khái quát, dễ hiểu về nghề.
- Phạm vi hoạt động và những nét đặc trưng, đặc thù cơ bản nhất của nghề.
- Có thể làm được gì? ở đâu?
- Đặc điểm về môi trường làm việc, vị trí và tầm quan trọng của ngành, nghề trong xã hội.
- Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ).

2. Kiến thức:

- Liệt kê ngắn gọn, khái quát những kiến thức mà người học cần phải đạt được khi tốt nghiệp ở trình độ đào tạo tương ứng.
- Sử dụng động từ chỉ mức độ nhận thức (trình bày được, giải thích được, chứng minh được, phân tích được...) để khẳng định yêu cầu người học phải đạt được khi tốt nghiệp ở mỗi trình độ đào tạo.
- Không sử dụng các thuật ngữ không định lượng được như: hiểu được, nắm được, có kiến thức về...,
- Tránh nhầm lẫn yêu cầu về kiến thức và kỹ năng.



3. Kỹ năng:

- Liệt kê ngắn gọn, khái quát những kỹ năng làm việc mà người học cần phải đạt được
- Sử dụng các động từ chỉ mức độ thành thực trong việc thực hiện các kỹ năng của nghề (làm được/thành thạo..., thao tác thuần thục...)
- Tránh sự nhầm lẫn giữa các yêu cầu về kiến thức với kỹ năng.

4. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

- Mô tả khái quát về mức độ tự chủ trong xử lý các tình huống giải quyết công việc.
- Tinh thần trách nhiệm đối với bản thân, môi trường, xã hội, với công việc và doanh nghiệp.
- Phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân; đạo đức, tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ.
- Khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc.



5. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Kể tên các vị trí việc làm theo kết quả phân tích nghề (Sơ đồ PTN)

(theo mẫu định dạng chung thống nhất)

6. Khả năng học tập nâng cao trình độ:

(theo định dạng chung thống nhất)

“- Khối lượng khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Biểu diễn nhạc cụ truyền thống, trình độ cao đẳng tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;

- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành, nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo”.



B. BIÊN SOẠN QUY ĐỊNH KLKTTT, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC CHO TỪNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM

1. Mô tả vị trí việc làm

1.1. Kiến thức

1.2. Kỹ năng

1.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

2. Khối lượng kiến thức tối thiểu

3. Các năng lực của vị trí việc làm

4. Yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm cho từng năng lực

1. Mô tả vị trí việc làm

- Mô tả ngắn gọn, khái quát những nét đặc trưng, đặc thù của VTVL.
- VTVL giải quyết những công việc gì? ở đâu?
- Đặc điểm của VTVL, vị trí và tầm quan trọng của VTVL trong nghề.
- Khối lượng kiến thức tối thiểu của VTVL (giờ, tín chỉ).

1.1. Kiến thức

- Liệt kê ngắn gọn, khái quát những kiến thức mà người học cần phải đạt được để làm được các công việc có ở VTVL.
- Sử dụng động từ chỉ mức độ nhận thức (trình bày được, giải thích được, chứng minh được, phân tích được...) để khẳng định yêu cầu đối với người học.
- Không sử dụng các thuật ngữ khó định lượng như: hiểu được, nắm được, có kiến thức về...,
- Tránh nhầm lẫn yêu cầu về kiến thức và kỹ năng.

1.2. Kỹ năng

- Liệt kê ngắn gọn, khái quát những kỹ năng làm việc mà người học cần phải đạt được để làm được các công việc có ở VTVL.
- Sử dụng các động từ chỉ mức độ thành thực trong việc thực hiện các kỹ năng của nghề (làm được/thành thạo..., thao tác thuần thục...)
- Tránh sự nhầm lẫn giữa các yêu cầu về kiến thức với kỹ năng.

1.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Mô tả khái quát về mức độ tự chủ và trách nhiệm trong xử lý các tình huống giải quyết công việc ở tại VTVL.
- Tinh thần trách nhiệm đối với bản thân, môi trường, xã hội, với công việc và doanh nghiệp.
- Phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân; đạo đức, tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ.

2. Khối lượng kiến thức tối thiểu

Xác định khối lượng kiến thức tối thiểu đối với từng vị trí việc làm trên cơ sở:

- Kết quả phân tích nghề, phân tích công việc
- Kết quả điều tra, khảo sát cơ sở GDNN
- Tổng hợp khối lượng kiến thức tối thiểu người học cần phải học để có được các năng lực trong từng VTVL
- Tham khảo ý kiến chuyên gia đào tạo

- Khối lượng kiến thức tối thiểu tính theo **giờ** và được quy đổi ra đơn vị **tín chỉ**.
- Quy đổi giờ ra tín chỉ căn cứ theo Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH, 01 tín chỉ được tính:
 - Bằng 15 giờ lý thuyết và 30 giờ tự học, tự chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn
 - Hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận và 15 giờ tự học, tự chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn
 - Hoặc bằng 45 giờ thực tập, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp

Khối lượng kiến thức tối thiểu của nghề được tính toán cho phù hợp với ngành, nghề nhưng không nhỏ hơn quy định trong Khung trình độ quốc gia VN (QĐ 1982):

Cao đẳng: - Khối lượng kiến thức tối thiểu: 60 tín chỉ

Trung cấp: - Khối lượng kiến thức tối thiểu:

+ Tốt nghiệp THPT: 35 tín chỉ

+ Tốt nghiệp THCS: 50 tín chỉ

3. Các năng lực của vị trí việc làm

- ❖ *Xác định năng lực người học cần phải có được theo từng vị trí việc làm dựa trên cơ sở:*
 - Sơ đồ PTN, bộ Phiếu PTCV
 - Kết quả khảo sát doanh nghiệp
 - Ý kiến chuyên gia làm việc trong nghề
 - Tham khảo Tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia (nếu có)

❖ *Đặt tên năng lực:*

Khái niệm năng lực: Là khả năng chuyển tải các kỹ năng, kiến thức và thái độ vào các tình huống trong làm việc

Tên năng lực có thể chính là tên công việc nhưng cũng có thể khác với tên công việc

Tên công việc

- Chuẩn bị dụng cụ
- Đánh máy văn bản

Tên năng lực

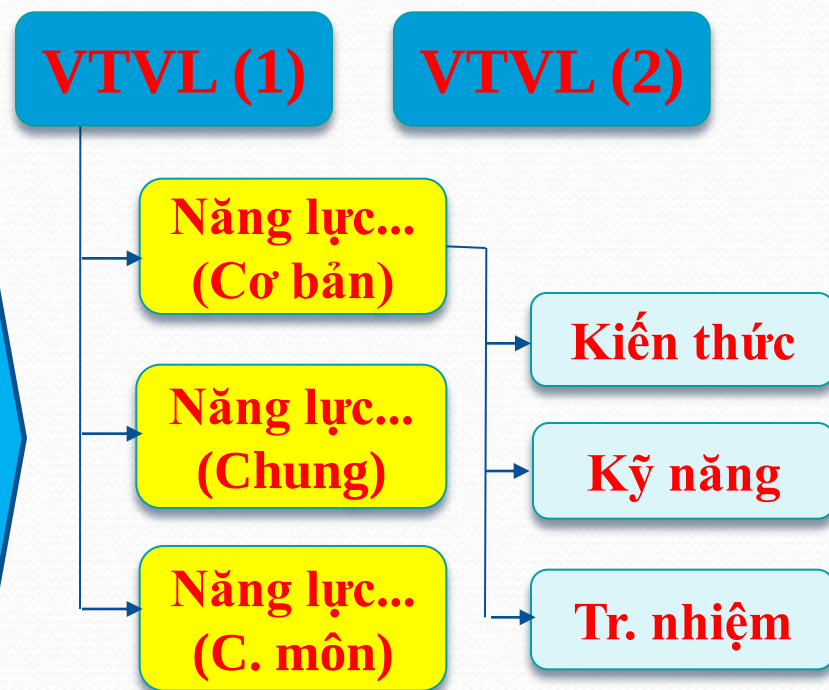
- Chuẩn bị dụng cụ
- Sử dụng máy tính

CHUYỂN ĐỔI PTN, PTCV $\Rightarrow$ NĂNG LỰC THEO VTVL

Kết quả PTN, PTCV



Chuyển thành năng lực của VTVL



❖ *Phân nhóm năng lực*

Các năng lực mà người học cần phải có để làm được các công việc tại 1 vị trí việc làm cụ thể được tổng hợp và phân thành 3 nhóm:

- a) Các năng lực cơ bản**
- b) Các năng lực chung**
- c) Các năng lực chuyên môn**



Năng lực cơ bản: là nhóm các năng lực có tính chất nền tảng mà người học cần phải có để làm việc, không riêng cho một ngành, nghề nào. Các năng lực cơ bản có thể được lặp đi lặp lại ở nhiều vị trí việc làm khác nhau nhưng không thể thiếu (ví dụ như các năng lực về ngoại ngữ, tin học cơ bản, các năng lực chấp hành pháp luật, năng lực về thể chất, sức khỏe để làm việc .v.v...).

Năng lực chung: là nhóm năng lực mà người học bắt buộc phải có làm cơ sở cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên môn và hỗ trợ cho việc rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp để thực hiện được các công việc trong mỗi vị trí việc làm của một ngành, nghề cụ thể

Năng lực chuyên môn: là nhóm các năng lực cốt lõi, thiết yếu của nghề mà người học bắt buộc phải có để có thể thực hiện trọn vẹn các nhiệm vụ và công việc tại một vị trí việc làm cụ thể.

❖ *Xác định bậc theo Tiêu chuẩn kỹ năng nghề (5 bậc)*

- Các năng lực mà người học cần phải có sau khi phân thành 3 nhóm, được xác định bậc kỹ năng tương ứng để làm cơ sở xác định các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thời gian học tập tối thiểu phù hợp.

- Việc xác định bậc dựa trên cơ sở:

+ Thông tư 56/2015/TT-BLĐTBXH

+ Bộ phiếu phân tích công việc

(Lưu ý: Tránh nhầm lẫn với 8 bậc trình độ đào tạo trong Khung trình độ quốc gia VN)

QUY TRÌNH XÂY DỰNG



STT	TÊN NĂNG LỰC	BẬC (theo tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia)				
		Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5
1. CÁC NĂNG LỰC CƠ BẢN						
1.1						
1.2						
1.3						
...						
2. CÁC NĂNG LỰC CHUNG						
2.1						
2.2						
2.3						
...						
3. CÁC NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN						
3.1						
3.2						
3.3						
.....						

4. Yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm cho từng năng lực

Mỗi một năng lực, dù được xếp vào nhóm năng lực nào cũng đều phải viết đầy đủ, chi tiết các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm mà người học cần phải có để hoàn thiện năng lực đó.



a) Các năng lực cơ bản

(1) Tên năng lực 1

- Yêu cầu kiến thức
- Yêu cầu kỹ năng
- Mức độ tự chủ và trách nhiệm

(2) Tên năng lực 2

- Yêu cầu kiến thức
- Yêu cầu kỹ năng
- Mức độ tự chủ và trách nhiệm

(n) Tên năng lực n



(b) Các năng lực chung

(1) Tên năng lực 1

- Yêu cầu kiến thức**
- Yêu cầu kỹ năng**
- Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

(1) Tên năng lực 2

- Yêu cầu kiến thức**
- Yêu cầu kỹ năng**
- Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

(n) Tên năng lực n



(c) Các năng lực chuyên môn

(1) Tên năng lực 1

- Yêu cầu kiến thức**
- Yêu cầu kỹ năng**
- Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

(1) Tên năng lực 2

- Yêu cầu kiến thức**
- Yêu cầu kỹ năng**
- Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

(n) Tên năng lực n

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CDR

1. Giới thiệu tổng quan về quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng của ngành, nghề ở trình độ.....
2. Mục đích, mục tiêu Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ TC, CĐ của ngành, nghề ở trình độ.....
3. Hướng dẫn cách sử dụng Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ TC, CĐ để xây dựng, chỉnh sửa CTĐT của nghề, ở trình độ tương ứng



- ❖ Lấy ý kiến góp ý dự thảo
- ❖ Hoàn thiện dự thảo

ĐỊNH DẠNG SẢN PHẨM

**“Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu,
yêu cầu về năng lực mà người học phải
đạt được khi tốt nghiệp trình độ trung
cấp, trình độ cao đẳng”**

(Theo định dạng CĐR đã ban hành)



- **Font chữ: Times New Roman**
- **Cỡ chữ 14**
- **Before: 6, After: 6, Line spacing: Single**
- **Page Setup: Top 20, Bottom: 20, Left: 30, Right: 20**
- **Lưu ý: Không đánh số, đặt ký tự đầu dòng chế độ tự động**

SẢN PHẨM BCN NỘP

Sau khi hoàn thiện sản phẩm theo góp ý của Hội đồng thẩm định, BCN nộp 01 USB ghi đầy đủ bộ sản phẩm (đồng thời gửi qua Email Vụ ĐTCQ) gồm 4 nội dung:

- 1. CĐR trình độ TC (Tên file: CĐR – Nghề - TC)**
- 2. CĐR trình độ CĐ (Tên file: CĐR – Nghề - CĐ)**
- 3. Phụ lục: Sơ đồ PTN, Phiếu PTCV**
(Tên file: PL 01 - Sơ đồ PTN, PL 02 – Phiếu PTCV)
- 4. Bản giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của HĐTĐ**

KẾ HOẠCH – TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Tập huấn BCN: tháng 5/2020

2. Tổ chức xây dựng : 5 ÷ 9/2020

3. Nộp sản phẩm: Ngày 30/9/2020

4. Tập huấn HĐ thẩm định: 10/2020

5. Họp thẩm định: Tháng 10/2020

6. BCN hoàn thiện SP: Tháng 11/2020

7. Trình ban hành: Tháng 12/2020

Để được hỗ trợ về chuyên môn, đề nghị liên hệ:

CV Hà Đức Ngọc

Vụ Đào tạo chính quy - Tổng cục GDNN

ĐT: 0938.79.8668

Email: ngocdtcq@gmail.com